

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HS-PT

Ngày: 26-4- 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Ông Bùi Quang Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Ngọc Nôm – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 17/2019/HSPT ngày 05 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo Lê Trần Thảo V do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2019/HSST ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố B.

- Bị cáo có kháng cáo: Lê Trần Thảo V, sinh năm 1991, tại tỉnh Bến Tre; đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố 3, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; **hiện đăng ký lưu trú tại khu phố 3, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre**; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 11/12; con ông Lê Văn H, sinh năm 1970, và bà Trần Thị Hồng T, sinh năm 1970; đã từng sống như vợ chồng với Võ Thanh D, sinh năm 1995 (hiện không còn sống chung với anh D), hiện sống chung như vợ chồng với Lê Minh C, sinh năm 1996 (**địa chỉ khu phố 2, phường 5, thành phố B**); bị cáo có các con, lớn sinh năm 2013, con kế sinh năm 2016 và 01 con mới sinh 16 ngày tuổi; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại (có mặt);

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo:

1. Ông Lê Văn H, sinh năm 1970; (vắng mặt)

2. Bà Trần Thị Hồng T, sinh năm 1970; (có mặt)

Cùng cư trú: Khu phố 3, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. **Hiện đăng ký lưu trú tại khu phố 3, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre**;

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Nhật Long H – Luật sư Văn phòng luật sư H– Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 14 tháng 2 năm 2018, Lê Trần Thảo V sau khi đi chơi về nhà ở số Khu phố 3, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre thì phát hiện xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại TAURUS, màu đen, biển số XXHX-XXXX của ông Nguyễn Văn TR đang dựng ở gần nhà V nhưng không có khóa cổ và không có ai trông coi nên V nảy sinh ý định chiếm đoạt để làm phương tiện đi lại. Để thực hiện ý định V đến lấy xe mô tô biển số XXHX-XXXX của ông TR dẫn bộ đi đến tiệm sửa xe đối diện cửa hàng Thế giới di động ở Phường P, thành phố B để tháo mặt nạ xe, bứt dây mát khởi động xe và tháo biển số xe ra để tránh bị phát hiện. Sau đó V điều khiển xe mô tô biển số XXHX-XXXX vừa lấy trộm của ông TR chạy đến công viên Đ nhờ thợ làm chìa khóa rồi điều khiển xe chạy đến nhà ông Lê Tấn P ở khu phố 2, phường 5, thành phố B thì bị lực lượng công an phát hiện mời V về làm việc.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại TAURUS, màu đen, biển số XXHX-XXXX, số máy S2-124877, số khung: AY124879.

Theo bản kết luận định giá trị tài sản số 190/KL-HĐĐG ngày 16/3/2018 của Hội đồng định giá thành phố B kết luận: 01 xe mô tô biển số XXHX-XXXX, nhãn hiệu YAMAHA, loại TAURUS, màu đen, số máy S2-124877, số khung: AY124879. Trị giá tài sản vào ngày 14/2/2018 là 6.000.000 đồng.

Theo kết luận giám định pháp y tâm thần số 606/KL- VPYTW ngày 27/11/2018 của Viện Pháp y Tâm thần trung ương Biên Hòa đối với Lê Trần Thảo V kết luận:

- Về y học: trước, trong, sau khi gây án và hiện nay: đương sự bị bệnh rối loạn nhân cách, cảm xúc không ổn định (F60.3-ICD.10)/ Mang thai 13 tuần 2 ngày.

- Về năng lực nhận thức và điều khiển hành vi: tại thời điểm gây án và hiện nay đương sự bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2019/HS-ST ngày 24/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Lê Trần Thảo V phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, n, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Trần Thảo V 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/01/2019 bị cáo Lê Trần Thảo V kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không thay đổi yêu cầu kháng cáo; bị cáo khai nhận hành vi phù hợp nội dung bản án sơ thẩm. Đại diện hợp pháp của bị cáo yêu cầu cho bị cáo được hưởng án treo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết là phù hợp. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và tuyên bố bị cáo Lê

Trần Thảo V phạm “Tội trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội và xử phạt bị cáo Lê Trần Thảo V 04 (bốn) tháng tù. Xét thấy, bị cáo được cha mẹ có đơn bảo lãnh cam kết quan tâm giáo dục bị cáo và hiện bị cáo có đăng lý lưu trú rõ ràng, bị cáo cáo nhiều tình tiết giảm nhẹ, đủ điều kiện cho bị cáo hưởng treo, đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cụ thể: Tuyên bố bị cáo Lê Trần Thảo V phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, n, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Trần Thảo V 04 (bốn) tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Người bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo có đơn bảo lãnh của cha mẹ và hiện tại bị cáo mới sinh con. Kiểm sát đề nghị cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định. Vào khoảng 13 giờ ngày 14/02/2018, tại khu phố 3, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre, Lê Trần Thảo V đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn TR 01 xe mô tô biển số XXHX-XXXX, hiệu Yamaha, loại Taurus trị giá 6.000.000 đồng.

[2] Với ý thức hành vi và giá trị tài sản mà bị cáo V đã chiếm đoạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Lê Trần Thảo V phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, thấy rằng, khi áp dụng hình phạt tù Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: bị cáo không có tình tiết tăng nặng; về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ rõ sự ăn năn hối cải, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo đang nuôi 02 con nhỏ, bị cáo đang mang thai, bị cáo là người hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi được quy định tại các điểm h, i, n, q, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là phù hợp. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Bản án sơ thẩm cho rằng qua xác minh tại Công an phường P thể hiện Lê Trần Thảo V hiện không còn sinh sống tại phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre và địa phương không biết bị cáo V hiện sinh sống tại đâu. Không có tài liệu chứng minh bị cáo đang cư trú tại địa chỉ nào khác có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên không thỏa điều kiện cho bị cáo hưởng án treo. Tuy nhiên theo Đơn xin bảo lãnh của ông Lê Văn H và bà Trần

Thị Hồng T (là cha mẹ của bị cáo) được Công an phường P xác nhận vào ngày 28/01/2019 có nội dung “Ba nhân khẩu Lê Văn H, Trần Thị Hồng T, Lê Trần Thảo V có đăng ký thường trú tại khu phố 3, phường P, thành phố B và hiện đang đăng ký lưu trú tại khu phố 3, phường P, thành phố B” (là cùng phường), như vậy bị cáo có đăng ký lưu trú rõ ràng. Mặc khác bị cáo có 01 con sinh ngày 26/9/2016 (dưới 36 tháng tuổi) và hiện mới sinh con 16 ngày tuổi (đang được gia đình chồng chăm sóc do sinh con tại **khu phố 2, phường 5, thành phố B**). Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và bị cáo là người hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, cha mẹ bị cáo bảo lãnh với yêu cầu cho bị cáo được hưởng án treo để sinh con, chăm sóc con và cam kết quản lý giáo dục bị cáo V, hiện bị cáo đăng ký lưu trú rõ ràng, đủ điều kiện được hưởng án treo nên chấp nhận yêu cầu hưởng án treo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm. Theo đề nghị của Kiểm sát viên và người bào chữa cho bị cáo cũng đủ cải tạo, giáo dục bị cáo.

[4] Về án phí, bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Trần Thảo V; sửa Bản án sơ thẩm số: 03/2019/HSST ngày 24-01-2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre;

Tuyên bố bị cáo Lê Trần Thảo V phạm “Tội trộm cắp tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, n, q, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Lê Trần Thảo V** 04 (bốn) tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 26/4/2019. Giao bị cáo Lê Trần Thảo V về cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre, gia đình của bị cáo phối hợp giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo Lê Trần Thảo V không chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân thành phố B (3b);
- Công an và VKSND thành phố B (2b)
- Chi cục THADS thành phố B (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND P. P, thành phố B (1b);
- Bị cáo, NĐDHP bị cáo (2b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tỉnh